

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04- 4-2019
V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bạch Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Tuyết Nhung

Bà Nguyễn Thúy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2018/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đỗ Văn B. Nơi cư trú: Tiểu khu P, thị trấn X, huyện Y, thành phố Hà Nội, có mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị T. Nơi cư trú: Số A, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11/10/2018, nộp tại Tòa án ngày 12/10/2018, bản tự khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đỗ Văn B trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn số 49/2009 ngày 09 tháng 5 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn X, huyện Y, thành phố Hà Nội.

Anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T chung sống hòa thuận hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thể hiện qua lời nói và cách sống.

Từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến nhau. Anh Đỗ Văn B thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy anh Đỗ Văn B làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Vũ Thị T.

Tại biên bản lấy lời khai của chị Vũ Thị T (bị đơn) đối với yêu cầu của nguyên đơn ngày 03/01/2019 tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa chị Vũ Thị T công nhận về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh B trình bày là đúng. Chị T thừa nhận tình cảm vợ chồng đã không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T có ba người con chung, con đầu tên Đỗ Tuấn A, sinh ngày 29/01/2010; con thứ hai tên Đỗ Thị Quỳnh T, sinh ngày 20/8/2012; con thứ ba tên Đỗ Nam K, sinh ngày 22/8/2014. Hiện nay các con đang ở cùng anh B, khi ly hôn anh B có nguyện vọng muốn được nuôi cả ba con và không yêu cầu chị T đóng góp nuôi con vì anh B cho rằng hiện nay con đang ở cùng anh và hai cháu lớn hiện đang đi học, anh B có công việc làm ổn định từ công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ vận tải H, chức vụ Phó Tổng giám đốc, lương tháng thu nhập 20.630.000 đồng.

Chị Vũ Thị T công nhận vợ chồng có ba con chung như anh B khai. Các con mới được anh B đón về nuôi dưỡng từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Chị T không đồng ý để anh B nuôi cả ba con vì lý do khi chị đến thăm con anh B không cho chị T gặp con. Tại phiên tòa chị T vẫn yêu cầu được nuôi cả ba con, tuy nhiên con lớn muốn ở cùng bố chị T tôn trọng ý kiến của con. Về phí tổn nuôi con: Chị T không yêu cầu anh B đóng góp nuôi con. Chị T cho rằng chị đủ điều kiện nuôi được các con vì chị có công việc và có thu nhập bán hàng giải khát 10.000.000 đồng và bán linh kiện điện thoại 15.000.000 đồng. Ngoài ra chị có thời gian chăm sóc các con và điều kiện về chỗ ở là chị có nhà để cho các con ở, chị ở cùng bố mẹ (Nay bố mẹ đã làm giấy tờ tặng cho chị T đất và nhà ở và chị đang làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2019 cháu Đỗ Tuấn A, sinh ngày 29/01/2010, khi được hỏi cháu A trả lời có nguyện vọng muốn được ở cùng bố.

3. Về tài sản chung: Anh Đỗ Văn B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Vũ Thị T công nhận vợ chồng không có tài sản như anh B khai là đúng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

4. Về nợ chung: Anh Đỗ Văn B khai hai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Vũ Thị T công nhận vợ chồng không có nợ chung như anh B khai là đúng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án không tiến hành hòa giải được nguyên đơn không có mặt theo Giấy triệu tập và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên Tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về mặt tình cảm là: Thuận tình ly hôn. Không thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con: Cả hai cùng có nguyện vọng được nuôi cả ba con và không cần bên kia cấp dưỡng nuôi con. Tại phần tranh luận anh B yêu cầu được nuôi hai con lớn, chị T yêu cầu được nuôi hai con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Đỗ Văn B là chưa tuân thủ quy định của pháp luật, không có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị T đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật và giải quyết như sau:

Áp dụng Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Văn B: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của hai đương sự anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T.

Về con chung:

Giao con chung chưa thành niên tên Đỗ Tuấn A, sinh ngày 29/01/2010 cho anh Đỗ Văn B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao con chung chưa thành niên tên Đỗ Thị Quỳnh T, sinh ngày 20/8/2012 và Đỗ Nam K, sinh ngày 22/8/2014 cho chị Vũ Thị T trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên anh chị có quan hệ hôn nhân hợp pháp và có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung, nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm sống nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Hai bên đã xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh B xin ly hôn chị T cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp Điều 55, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa Anh Đỗ Văn B có nguyện vọng được nuôi hai con lớn. Chị Vũ Thị T có nguyện vọng nuôi hai con nhỏ, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên, nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Xét thấy anh B là Phó Tổng giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ vận tải H, địa chỉ: F, P, Hà Nội, công việc bận rộn không có thời gian nhiều để chăm hai con. Xét thấy cháu Đỗ Tuấn A, sinh ngày 29/01/2010 có nguyện vọng muốn được ở cùng bố, hơn nữa hiện nay cháu đã được chuyển hộ khẩu về với anh B tại thị trấn X, huyện Y, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có căn cứ chấp nhận một phần nguyện vọng của anh B là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con tên Đỗ Tuấn A. Chị T có công việc kinh doanh bán lẻ linh kiện điện thoại, dịch vụ ăn uống và nước giải khát tại đường D, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, công việc không gò bó về thời gian nên chị T có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con hàng ngày. Trong thời gian trước đây khi anh B chưa đưa con đi thì chị T vẫn chăm sóc con tốt về mọi mặt, hơn nữa điều kiện về chỗ ở chị T hiện đã có nhà ở riêng (được bố mẹ tặng cho đất và nhà đang làm thực tục cấp sổ đỏ). Hiện nay hai cháu tuy ở cùng bố nhưng Hộ khẩu vẫn ở cùng chị T tại địa chỉ: A, khu N, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Các tình tiết này rõ ràng theo lời khai của bị đơn và tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa và nguyên đơn không phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ chấp nhận nguyện vọng của chị T là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con nhỏ tên Đỗ Thị Quỳnh T, sinh ngày 20/8/2012 và Đỗ Nam K, sinh ngày 22/8/2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét đóng góp phí tổn nuôi con chung.

[5] Về tài sản: Anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T, không có nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đỗ Văn B yêu cầu được ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận anh B đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/05195 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, số tiền này sẽ được đối trừ vào tiền án phí anh B phải nộp.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T.

2. Về con chung:

Anh Đỗ Văn B được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Đỗ Tuấn A, sinh ngày 29/01/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Vũ Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung chưa thành niên tên Đỗ Thị Quỳnh T, sinh ngày 20/8/2012 và Đỗ Nam K, sinh ngày 22/8/2014 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Văn B đang nuôi dưỡng các con, có trách nhiệm giao hai con nêu trên cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng.

Anh Đỗ Văn B và chị Vũ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không do mình trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đỗ Văn B chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số: AA/2012/05195 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Đỗ Văn B và bị đơn chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- THADS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn P, huyện Y, thành phố Hà Nội.
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạch Ánh Tuyết